

Bản án số: **05/2024/HS-ST**

Ngày: 04 – 01 – 2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân

Ông Hoàng Phương Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 359/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Phan S, sinh ngày 02/3/2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: 20/109 V, TDP D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan S1 (đã chết) và bà Dương Thị H, sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2023 đến ngày 21/11/2023, thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Trần Thị Thảo L, sinh năm 2001; Nơi cư trú: 20/109 V, TDP D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn L1, sinh năm 1999; Nơi cư trú: 4/109 V, TDP D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3. Anh Hà T, sinh năm 2004; Nơi cư trú: 20/109 V, TDP D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Lê Thị Diệu H1, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn M, xã M1, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

2. Ông Phan Tiến P, sinh năm 1979; Nơi cư trú: 46/64 C, phường A1, thành phố H; vắng mặt.

3. Bà Dương Thị H2, sinh năm 1974; Nơi cư trú: 20/109 V, TDP D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Phan S nhiều lần thực hiện trộm cắp tài sản trên địa bàn phường A, thành phố H, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ ngày 13/9/2023, Phan S đi bộ từ nhà mình đến nhà của chị Trần Thị Thảo L tại 20/109 V, TDP D, phường A, thành phố H để tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, S thấy nhà không có người, cửa cổng không đóng nên S đi vào trong theo lối cổng chính. S phát hiện ở ngoài hiên nhà có 01 tủ gương, trên tủ có 01 điện thoại di động Iphone 11, màu tím của chị L. Sơn lén lút lấy trộm chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi tẩu thoát. Đến khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, Sơn đem điện thoại đến cầm cố tại cửa hàng cầm đồ “Thành Công” tại thôn M, xã M1, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế do chị Lê Thị Diệu H1 làm chủ được số tiền 4.500.000 đồng. Số tiền có được, S tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 04 giờ ngày 21/9/2023, S đi bộ từ nhà mình đến nhà của anh Nguyễn L1 tại 04/109 V, tổ dân phố D, phường A, thành phố H để tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, thấy cửa cổng không đóng nên S đi vào trong theo lối cổng chính. S đi vào trong nhà, phát hiện thấy có 02 người đang nằm ngủ, trên nền nhà có 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu vàng của anh L1 và 01 điện thoại Vivo màu xanh của anh Hà T. S lén lút lấy trộm 02 máy điện thoại này bỏ vào túi quần rồi tẩu thoát. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, S đem 02 điện thoại đến tại cửa hàng điện thoại di động 100PCT Mobile tại 100 T, thành phố H bán cho anh Phan Tiến P với tổng giá tiền 3.400.000 đồng. Số tiền có được, S tiêu xài cá nhân hết.

* Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 216/KL-HĐĐGTS ngày 23/9/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế, xác định:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone11, màu tím, Imei: 353986107973003, 64GB có trị giá 4.500.000 đồng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu gold, Imei: 353906105012992, có trị giá 5.500.000 đồng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh, Imei1: 860991058996876, Imei2: 860991058996868 có trị giá 1.300.000 đồng.

* *Vật chứng thu giữ:*

+ Thu từ anh Phan Tiến P: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh.

+ Thu giữ từ chị Lê Thị Diệu H1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu tím và 01 (một) tờ giấy hợp đồng cầm cố tài sản ngày 13/9/2023.

* *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho các bị hại chị Trần Thị Thảo L, anh Nguyễn L1 và anh Hà T.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S. Bà Dương Thị H (là mẹ bị cáo) đã bồi thường cho chị Lê Thị Diệu H1 số tiền 4.500.000 đồng và anh Phan Tiến P số tiền 3.400.000 đồng. Không ai có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 376/CT-VKSTPH ngày 23/11/2023, Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Phan Sơn về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Phan S từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho các bị hại. Hiện không còn vật chứng gì nên không phải xem xét, giải quyết.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền bồi thường, không ai có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không phải xem xét, giải quyết.

- *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại là Trần Thị Thảo L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phan Tiến P và Lê Thị Diệu H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Quá trình điều tra, những người này đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án, không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo; đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không có yêu cầu bồi thường dân sự. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Huế; Điều tra viên; Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Huế; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Đã có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào các ngày 13/9/2023 và 21/9/2023, tại địa bàn phường A, thành phố H, Phan S đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone11, màu tím của chị Trần Thị Thảo L có trị giá 4.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu vàng của anh Nguyễn L1 có trị giá 5.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh của anh Hà T có trị giá 1.300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Phan S chiếm đoạt của các bị hại là 11.300.000 đồng (Mười một triệu ba trăm nghìn đồng).

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Phan S là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Với hành vi và hậu quả nêu trên, bị cáo Phan S phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Huế đã truy tố bị cáo Phan S và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét các căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Phan S phạm tội 02 lần nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt, thấy rằng: Bị cáo Phan S phạm tội hai lần nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã khắc phục toàn bộ hậu quả; tài sản đã trả lại cho các bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị tạm giam bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết mà cần áp dụng thêm Điều 65 để cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện rõ sự khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Huế là phù hợp. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho các bị hại. Hiện không còn vật chứng gì nên không phải xem xét, giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền bồi thường, không ai có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không phải xem xét, giải quyết.

[8] Các vấn đề khác: Đối với chị Lê Thị Diệu H1 và anh Phan Tiến P không biết tài sản mình nhận cầm cố và mua là do Phan S phạm tội mà có, nên không có cơ sở xem xét xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan S phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Phan S 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan S cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giáo dục, giám sát trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử: Buộc bị cáo Phan S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- CQĐT thành phố Huế;
- CQ THAHS thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Hồng